

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày 22-11-2018
V/v tranh chấp chia thừa kế quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Bà Phạm Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H, nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phạm Thị H, nơi cư trú: Khu T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng;

+ Chị Phạm Thị H, nơi cư trú: Khu T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H và chị H: Chị Phạm Thị T (Theo các Giấy ủy quyền ngày 15/4/2018); có mặt.

+ Cháu Phạm Đình Hoàng T, sinh năm 2013; nơi cư trú: Thôn Thanh Trì, xã Kiến Thiết, huyện T, thành phố Hải Phòng. Người đại diện hợp pháp: chị Nguyễn Thị H (mẹ đẻ cháu T); nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện T, Hải Phòng; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2018, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày: Bố mẹ chị là ông Phạm Đình M và bà Phạm Thị H, xây dựng gia đình với nhau từ năm 1986, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Kiến Thụy, (nay là phường T, quận D), thành phố Hải Phòng. Bố mẹ chị có 03 con chung là chị và các em Phạm Thị H, sinh năm 1989; Phạm Thị H, sinh năm 1996. Ngoài ra bố chị là ông M còn có 01 con riêng với bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 tên là Phạm Đình Hoàng T, sinh ngày 7/8/2013 theo giấy khai sinh số 157/2013 quyển số 01/2013 tại UBND xã K, huyện T, Hải Phòng. Đến năm 2014 bố chị chết do tai nạn giao thông. Tài sản của bố và mẹ chị tạo lập đến nay còn quyền sử dụng 178,5 m² đất tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4; tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng (được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014 đứng tên bố mẹ chị là Phạm Thị H và Phạm Đình M). Khi bố chị chết không để lại di chúc; gia đình chị không có sự thống nhất trong vấn đề chia thừa kế tài sản chung là quyền sử dụng đất trên. Vì vậy chị đề nghị Tòa án chia thừa kế phần di sản của bố chị để lại trong khối tài sản chung của bố mẹ chị là quyền sử dụng đất 178,5 m² và tài sản trên đất theo quy định pháp luật. Do ông bà nội của chị đã mất trước thời điểm ông M chết nên chị đề nghị chia đều di sản của ông M để lại cho những người trong hàng thừa kế thứ nhất gồm: chị, chị H, chị H, bà H và cháu T.

Tại Bản tự khai ngày 04/7/2018, bị đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị xác định tài sản của bố mẹ chị (ông M và bà H) là quyền sử dụng 178,5 m² đất và tài sản trên đất là căn nhà tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4; tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng. Chị đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật và để đảm bảo quyền lợi và việc sử dụng ổn định đất lâu dài cho mẹ chị nên chị đề nghị chia cho em trai là Phạm Đình Hoàng T phần di sản được hưởng bằng tiền.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà H và chị H cũng yêu cầu chia thừa kế phần di sản do ông M để lại nằm trong khối tài sản là quyền sử dụng 178,5 m² đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4; tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng theo quy định pháp luật. Bà H có quan điểm sẽ nhận sở hữu toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất trên vì trong khối tài sản đó có ½ tài sản là của bà theo quy định về tài sản chung của vợ chồng;

phần di sản do ông M để lại được chia thừa kế đều mọi người. Bà sẽ thanh toán phần những đồng thừa kế khác được hưởng bằng tiền theo quy định pháp luật.

Người giám hộ của cháu Phạm Đình Hoàng T là chị Nguyễn Thị H tại Biên bản ghi lời khai ngày 21/8/2018, trình bày: Chị có quan hệ tình cảm với anh Phạm Đình M và có con chung là Phạm Đình Hoàng T sinh ngày 7/8/2013 theo giấy khai sinh số 157/2013 quyển số 01/2013 tại UBND xã Kiến Thiết, huyện T, Hải Phòng. Nay ông M chết không để lại di chúc, theo quy định pháp luật, cháu T là con đẻ ông M có quyền được hưởng thừa kế di sản của ông M. Chị đề nghị Tòa án giải quyết và chia theo quy định pháp luật, chị đồng ý nhận phần tài sản được hưởng thừa kế bằng tiền mặt. Vì điều kiện công việc nên chị không lên Tòa án để giải quyết được.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ: Thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là quyền sử dụng 178,5 m² đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4; tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng theo quy định pháp luật.

Quá trình thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất trên thực tế đo đạc thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4; tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng là 171,36 m².

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KLĐG ngày 31/10/2018 của Hội đồng định giá đã xác định giá trị tài sản:

- Giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4; tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng là 373.564.800 đồng.

- Giá trị tài sản trên đất gồm 01 nhà mái bằng, công trình phụ, nhà kho, cổng, tường rào trên đất là 376.945.000 đồng.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4; tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng là 750.509.800 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được, Chị H là người giám hộ cho cháu Phạm Đình Hoàng T đề nghị không hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản do bố chị để lại theo quy định pháp luật. Đồng thời đề nghị để cho bà H là mẹ chị sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và nhà trên đất tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4; tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng. Phần tài sản của chị và chị H được hưởng thừa kế, chị và chị H tự nguyện để lại cho mẹ chị là bà H, mẹ chị là bà H có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho em trai Phạm Đình Hoàng T. Chị cũng trình bày mẹ chị là bà H tự nguyện nộp toàn bộ các khoản tiền án phí của vụ án và các chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

Cũng tại phiên tòa, chị H trình bày: Đồng ý với quan điểm của chị T, giao toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và nhà cho mẹ chị là bà H, phần di sản thừa

kế em trai chị là Phạm Đình Hoàng T được nhận theo quy định của pháp luật, mẹ chị sẽ thanh toán bằng tiền cho em T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định di sản thừa kế của ông Phạm Đình M là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4; tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng trị giá 375.254.900 đồng được chia đều cho những người trong hàng thừa kế thứ nhất gồm: chị T, chị H, chị H, bà H và cháu T. Do những người trong hàng thừa kế thứ nhất đều đồng ý để cho bà H sử dụng toàn bộ diện tích đất và tài sản nêu trên, chị T, chị H, chị H đồng ý cho bà H phân tài sản được hưởng thừa kế của mình nên đề nghị HĐXX giao cho bà H sử dụng và sở hữu toàn bộ quyền sử dụng 171,36 m² đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4; tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng. Bà H có trách nhiệm thanh toán cho cháu Phạm Đình Hoàng T số tiền bằng 1/5 trị giá di sản do ông M để lại = 75.050.980 đồng.

Bà H tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết tranh chấp chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất ở phường T, quận D, Hải Phòng. Mặt khác, nguyên đơn và bị đơn có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân quận D giải quyết vụ án. Theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Do các đương sự không thống nhất về việc giải quyết vụ án, không hòa giải được nên Tòa án nhân dân quận D đã đưa vụ án ra xét xử. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H và chị H đã ủy quyền cho chị T tham gia tố tụng; người giám hộ cho cháu Phạm Đình Hoàng T đã được Tòa án nhân dân quận D đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Về yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của các đương sự:

[3] Đối với quyền sử dụng diện tích 171,36 m² tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4; tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng có nguồn gốc là do ông Phạm Đình M và bà Phạm Thị H được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất trong thời kỳ hôn nhân (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01314/81 do UBND quận D cấp ngày 07/10/2014). Các đương sự đều thừa nhận diện tích 171,36 m² và các tài sản trên đất tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4; tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng là tài sản của ông M và bà H tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, xác định toàn bộ quyền sử dụng diện tích 171,36 m² và tài sản trên đất tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4, tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng là tài sản chung của ông M và bà H.

[4] Về việc xác định di sản thừa kế: Căn cứ vào các quy định về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, đủ cơ sở xác định di sản thừa kế của ông Phạm Đình M để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng diện tích 171,36 m² và $\frac{1}{2}$ tài sản trên đất tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4; tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng trị giá 750.509.800 đồng/2 = 375.254.900 đồng.

[5] Về diện thừa kế và kỹ phần: Ông Phạm Đình M chết không để lại di chúc nên di sản được phân chia theo quy định pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của ông M gồm 05 người là: Bà H (vợ ông M), chị T, chị H, chị H và cháu T (con ông M). Vì vậy, kỹ phần thừa kế của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M được xác định: Di sản của ông M có giá trị 375.254.900 đồng được chia đều cho 05 người. Bà H, chị T, chị H, chị H cháu T mỗi người được hưởng phần di sản thừa kế bằng = 75.050.980 đồng.

[6] Về chia bằng hiện vật: Do chị T, chị H, chị H và cháu T đều không có yêu cầu nhận di sản thừa kế bằng hiện vật. Chị T, chị H và chị H đều có ý kiến nhường phần di sản được thừa kế cho bà H, bà H đồng ý nhận toàn bộ di sản của ông M để lại và thanh toán cho cháu T bằng tiền tương đương với phần di sản cháu T được nhận, người giám hộ của cháu T cũng có ý kiến nhận phần di sản được hưởng bằng tiền. Mặt khác, bà H còn có quyền sử dụng đối với $\frac{1}{2}$ diện tích 171,36 m² đất và $\frac{1}{2}$ tài sản trên đất tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4, phường T, quận D. Vì vậy cần giao toàn bộ di sản của ông M để lại cho bà H sử dụng là phù hợp, bà H có trách nhiệm thanh toán cho cháu T số tiền 75.050.980 đồng tương đương với phần di sản cháu T được hưởng theo quy định pháp luật.

- Về án phí và các chi phí tố tụng:

[7] Tại phiên tòa người đại diện cho bà H trình bày chi phí định giá là tiền của bà H và bà H có ý kiến nhận nộp tất cả các chi phí tố tụng và tiền án phí. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và không trái pháp luật nên chấp nhận.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Căn cứ Điều 5; khoản 5 Điều 26; Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 165; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 611, điều 612, ; 650, 651 Bộ luật dân sự; Điều 167 và Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T về việc chia di sản thừa kế:

Giao cho bà Phạm Thị H được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 171,36 m² đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 296, tờ bản đồ số 4, tổ dân phố T, phường T, D, Hải Phòng (có sơ đồ kèm theo).

Bà Phạm Thị H có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị H là đại diện hợp pháp của cháu Phạm Đình Hoàng T số tiền là 75.050.980 (bảy mươi năm triệu không trăm năm mươi nghìn chín trăm tám mươi) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Chị Phạm Thị T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận D theo Biên lai số 14499 ngày 26/6/2018.

Bà Phạm Thị H phải nộp 18.762.745 (M tám triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Phạm Thị H, chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị H là người đại diện cho cháu Phạm Đình Hoàng T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Trung